

Số: 221/2024/QĐST-HNGĐ

Quận G, ngày 16 tháng 4 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 397; Điều 212, Điều 213 Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự về việc “Thuận tình ly hôn” thụ lý số 112/2024/HNST ngày 27 tháng 02 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

- Ông **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1983

Địa chỉ: **B Hoàng Anh T, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.**

- Bà **Huỳnh Ngọc Trang Đ**, sinh năm 1988

Địa chỉ: **B, B28.3 Hoàng Anh T, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà **Huỳnh Ngọc Trang Đ** và ông **Nguyễn Thanh T** qua thời gian tìm hiểu thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2011, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang** (Giấy chứng nhận kết hôn số 18/2011, Quyền số 01/2011 do **Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang** cấp ngày 26/01/2011).

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 06 năm thì xảy ra mâu thuẫn, do cả hai không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, cả hai không còn tình cảm. Bà **Trang Đ** và ông **Thanh T** đã cùng nhau khắc phục nhưng

không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc.

Hiện nay, ông Nguyễn Thanh T và bà Huỳnh Ngọc Trang Đ xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, không thể hòa hợp, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông Nguyễn Thanh T và bà Huỳnh Ngọc Trang Đ cùng yêu cầu được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Bà Huỳnh Ngọc Trang Đ và ông Nguyễn Thanh T có 02 người con chung họ tên là Nguyễn Huỳnh Minh A (nữ), sinh ngày 07/8/2011 và trẻ Nguyễn Huỳnh Bảo A1 (N), sinh ngày 13/8/2016.

Cả hai thỏa thuận sau khi ly hôn, bà Trang Đ là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 (hai) con chung, ông T đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 (hai) con 30.000.000 đồng/tháng/02 trẻ (Ba mươi triệu đồng/tháng/02 trẻ), cấp dưỡng vào ngày 20 dương lịch hàng tháng. Hai bên tự giao nhận tiền cấp dưỡng, không yêu cầu cơ quan thi hành án.

[3] Về tài sản chung: Bà Huỳnh Ngọc Trang Đ và ông Nguyễn Thanh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà Huỳnh Ngọc Trang Đ và ông Nguyễn Thanh T xác nhận không có.

[5] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Huỳnh Ngọc Trang Đ và ông Nguyễn Thanh T phải chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Ngọc Trang Đ và ông Nguyễn Thanh T thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 18/2011, Quyền số 01/2011 do Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 26/01/2011 không còn giá trị pháp lý).

1.2. Về con chung: Bà Huỳnh Ngọc Trang Đ và ông Nguyễn Thanh T xác nhận có 02 người con chung họ tên là Nguyễn Huỳnh Minh A (nữ), sinh ngày 07/8/2011 và trẻ Nguyễn Huỳnh Bảo A1 (N), sinh ngày 13/8/2016.

Cả hai thỏa thuận thống nhất sau khi ly hôn, bà Huỳnh Ngọc Trang Đ là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 (hai) con chung, ông Nguyễn Thanh T đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 (hai) con 30.000.000 đồng/tháng/02 trẻ (Ba mươi triệu đồng/tháng/02 trẻ), cấp dưỡng vào ngày 20 dương lịch hàng tháng. Hai bên tự giao nhận tiền cấp dưỡng, không yêu cầu cơ quan thi hành án.

Ông Nguyễn Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp ông Nguyễn Thanh T lạm dụng việc

thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Huỳnh Ngọc Trang Đ có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Nguyễn Thanh T.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Bà Huỳnh Ngọc Trang Đ và ông Nguyễn Thanh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Bà Huỳnh Ngọc Trang Đ và ông Nguyễn Thanh T xác định không có.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Huỳnh Ngọc Trang Đ và ông Nguyễn Thanh T phải chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số AA/2023/0037923 ngày 28/02/2024 và Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000000992303 ngày 27/2/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Vậy bà Huỳnh Ngọc Trang Đ và ông Nguyễn Thanh T đã nộp đủ lệ phí việc dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 1, 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND Q.7, TP HCM;
- C/c THADS Q.7, TP HCM;
- C/ q đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án (V.Phương).

THẨM PHÁN

Trương Như Thủy